TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2026/DS-ST
Ngày: 27/5/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Khoa

2. Bà Nguyễn Minh Phương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 596/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Duy P,** sinh năm 1990.

Địa chỉ liên hệ: Số G T, phường A, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: 1. Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Số B KV P, phường H, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thái H**, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường C, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Mộng T**, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số A đường C, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Thái H, nên vào ngày 19/04/2024 ông Trần Duy P có cho ông Nguyễn Thái H thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 65A – 338.28, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS, màu sơn: Trắng, số chỗ ngồi: 5, với mục đích để hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch (tự lái). Sau khi bàn bạc thì ông H thống nhất và đồng ý thuê xe ô tô với giá tiền thuê 9.000.000 đồng/tháng, có kèm theo hợp đồng. Ông P đã bàn giao xe ô tô và ký hợp đồng thuê xe ô tô với anh Nguyễn Thái H làm hai bản, mỗi bên giữ một bản, đồng thời ông P giao giấy tờ liên quan đến xe ô tô gồm: 01 Giấy biên nhận thế chấp tên Trần Duy P; 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 Giấy hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới.

Từ ngày 19/4/2024 đến ngày 10/07/2024 thì tiền thuê xe là 3 tháng x 9.000.000 đồng = 27.000.000 đồng, ông H đã thanh toán 25.500.000 đồng, ông H còn thiếu tiền thuê lại 1.500.000 đồng. Trong khoảng thời gian này thì ông H đã làm mất xe ô tô của ông P. Ông P nhiều lần đòi ông H trả xe thì ông H hứa sẽ bồi thường tiền xe cho ông P bằng với giá trị hiện tại. Đến ngày 10/07/2024 ông H có gọi ông P và hẹn ra gặp để viết giấy xác nhận nợ, ông H xác nhận là sẽ đền bù giá trị xe bằng số tiền 320.000.000 đồng và 3 tháng thuê xe là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền đền bù là 350.000.000 đồng và cam kết tự nguyện trả theo từng đợt từ ngày 01/8/2024 đến 01/11/2024 là hoàn tất số tiền đền bù làm mất xe cho ông P (kèm theo giấy xác nhận nợ). Kể từ tháng 11/2024 đến nay ông P đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc ông H trả lại số tiền cam kết đền bù xe ô tô bị mất trước đó, nhưng ông H hứa hẹn và đến nay không thanh toán như ông H đã cam kết. Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ giải quyết các vấn đề sau:

Yêu cầu Toà án tuyên buộc ông Nguyễn Thái H cùng vợ là bà Nguyễn Mộng T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy P số tiền là 384.528.000 đồng. Trong đó: Nợ tiền giá trị xe do ông H làm mất là 320.000.000 đồng, tiền thuê xe các tháng 7,8,9/2024 ông H chưa thanh toán là 30.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày ông Nguyễn Thái H vi phạm thời gian trả tiền đến ngày khởi kiện đối với từng khoản tiền cụ thể như sau: Lãi suất chậm trả tạm tính là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi đến ngày khởi kiện (ngày 02/9/2025) như sau:

Lãi suất chậm trả số tiền 150.000.000 đồng (lần 1), tạm tính từ ngày 02/08/2024 đến ngày 02/09/2025 là 13 tháng: 150.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng = 16.185.000 đồng.

Lãi suất chậm trả số tiền 70.000.000 đồng (lần 2), tạm tính từ ngày 02/09/2024 đến ngày 02/09/2025 là 12 tháng: 70.000.000 đồng x 0,83% x 12 tháng = 6.972.000 đồng.

Lãi suất chậm trả số tiền 70.000.000 đồng (lần 3), tạm tính từ ngày 02/10/2024 đến ngày 02/09/2025 là 11 tháng: 70.000.000 đồng x 0,83% x 11 tháng = 6.391.000 đồng.

Lãi suất chậm trả số tiền 60.000.000 đồng (lần 4), tạm tính từ ngày 02/11/2024 đến ngày 02/09/2025 là 10 tháng: 60.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng = 4.980.000 đồng. Tổng số tiền lãi tạm tính là 34.528.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả là: 384.528.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất chậm trả đối với số tiền còn nợ kể từ ngày 03/09/2025 cho đến khi ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Mộng T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Mộng T cùng liên đới thanh toán nợ với ông Nguyễn Thái H, không yêu cầu tính lãi trên số tiền thuê xe còn nợ 30.000.000 đồng.Thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi trên số nợ 320.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 02/11/2024. Bị đơn và người có quyền lợi liên quan dù đã được triệu tạp hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Cần Thơ*:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định. Riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Mộng T cùng liên đới thanh toán nợ với ông Nguyễn Thái H và không yêu cầu tính lãi trên số tiền thuê xe 30.000.000 đồng.

- Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Duy P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái H trả cho ông P số tiền nợ do làm mất xe ô tô theo hợp đồng thuê tài sản đã ký giữa hai bên. Xác định đây là tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua xác minh, ông H có đăng ký thường trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ theo quy định Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Mộng T cùng liên đới thanh toán nợ với ông Nguyễn Thái H và yêu cầu tính lãi trên số tiền thuê xe ba tháng 30.000.000 đồng. Căn cứ Điều 217 Bộ luật Dân sự 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền bồi thường giá trị xe và tiền thuê xe

Xét hợp đồng thuê xe ô tô ngày 19/4/2024 được giao kết hợp pháp giữa các bên theo quy định tại Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp

đồng, ông Nguyễn Thái H làm mất tài sản thuê và đã tự nguyện lập Giấy xác nhận nợ ngày 10/7/2024, cam kết bồi thường giá trị tài sản 320.000.000 đồng và thanh toán tiền thuê xe 30.000.000 đồng.

Nhận thấy, giấy xác nhận nợ ngày 10/7/2024 do ông H tự nguyện lập, thể hiện rõ việc ông H thừa nhận nghĩa vụ bồi thường giá trị chiếc xe bị mất và nghĩa vụ thanh toán tiền thuê xe còn thiếu. Từ thời hạn thanh toán theo thỏa thuận đến nay, mặc dù ông P đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy P buộc ông Nguyễn Thái H thanh toán số tiền gốc 350.000.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ ngày 10/7/2024 là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Hai bên thỏa thuận ông H thanh toán số tiền trên thành bốn đợt, thời hạn cuối cùng là ngày 01/11/2024. Tuy nhiên, đến hạn thực hiện nghĩa vụ, ông H không thanh toán theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên thuê quy định tại Điều 478, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Đối với yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông P chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền bồi thường giá trị chiếc xe là 320.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền thuê xe 30.000.000 đồng. Xét thấy, theo Giấy xác nhận nợ ngày 10/7/2024, thời hạn cuối cùng để ông H thanh toán toàn bộ khoản nợ là ngày 01/11/2024. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn nêu trên, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, ông P yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 320.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) kể từ ngày 02/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/5/2026 là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được xác định như sau: 320.000.000 đồng × 0,83%/tháng × 18 tháng 25 ngày = 50.021.333 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Thái H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Duy P là 400.021.333 đồng, gồm: tiền bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 320.000.000

đồng; tiền thuê xe là 30.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 50.021.333 đồng.

Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến hay phản bác về yêu cầu khởi kiện của ông P, do đó xem như ông H từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ chứng minh và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông P được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn ông P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 357, Điều 468, Điều 472, Điều 478, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Sang quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Duy P đối với bị đơn ông Nguyễn Thái H

Buộc ông Nguyễn Thái H phải trả cho ông Trần Duy P tổng số tiền 400.021.333 đồng (Bốn trăm triệu không trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Bao gồm: tiền bồi thường giá trị chiếc xe ô tô biển số 65A – 338.28, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS bị mất là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), tiền thuê xe ô tô ba tháng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 50.021.333 đồng (Năm mươi triệu không trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Mộng T cùng thanh toán nợ với ông Nguyễn Thái H và yêu cầu tính lãi trên số tiền thuê xe ba tháng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thái H phải chịu 20.000.853.đồng (Hai mươi triệu không trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thái H được nhận lại 9.613.000 đồng (Chín triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0012550 ngày 17/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND KV1-CT;
- T.H.A Dân sự TP CT;
- Các đương sự
- Lưu.

Phạm Thị Kim Tiến